



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Số: 32/BC-UBQGCĐS

Tài liệu tham khảo phục vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Bộ Thông tin và Truyền thông, Cơ quan thường trực của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số kính gửi báo cáo chuyên đề tham khảo phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối của Ủy ban Quốc gia và Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương như sau:

MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (NĂM 2023) VÀ CÁC VIỆC CẦN TRIỂN KHAI

Ngày 22/6/2023, tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội biểu quyết thông qua Luật Giao dịch điện tử (GDĐT), với 468/477 phiếu tán thành (đạt tỉ lệ 94,74%). Luật GDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, thay thế cho Luật GDĐT (năm 2005) (trừ một số trường hợp quy định chuyển tiếp).

Kết quả tổng kết 17 năm thi hành Luật GDĐT (năm 2005) cho thấy bên cạnh những đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, Luật GDĐT (năm 2005) vẫn đang tồn tại một số bất cập cần sửa đổi. Sự phát triển của đất nước trong tình hình mới cũng đòi hỏi luật phải được bổ sung để hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm đáp ứng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và công cuộc chuyển đổi số của quốc gia theo đúng định hướng mà Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định.

Việc thông qua Luật GDĐT (năm 2023) sẽ hoàn thiện hành lang pháp lý đầy đủ tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Luật GDĐT (năm 2023) vừa được thông qua gồm **8 chương, 53 điều** có một số điểm mới so với luật hiện hành, trong đó có nhiều chính sách mới nổi bật giúp công nhận giao dịch điện tử sẽ có giá trị tương đương và có thể sử dụng thay thế giao dịch truyền thống. Có thể coi Luật này là Luật cơ bản về chuyển đổi số. Báo cáo chuyên đề số 32 của Cơ quan thường trực của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số sẽ trình bày một số nội dung chính của Luật GDĐT (năm 2023).



I. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN

1. Sự cần thiết, mục đích ban hành

Luật GDĐT (năm 2005) được Quốc hội khóa XI thông qua tại Kỳ họp thứ 6 ngày 29/11/2005 đã tạo hành lang pháp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế cho GDĐT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định.

Kết quả tổng kết thực tiễn 17 năm thực hiện Luật GDĐT (năm 2005) cho thấy bên cạnh những đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, Luật GDĐT (năm 2005) vẫn đang tồn tại một số bất cập cần sửa đổi, bổ sung.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật GDĐT (năm 2005) là cần thiết để tạo một hành lang pháp lý hoàn thiện, đầy đủ, thuận lợi cho việc chuyển đổi các hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, nhằm chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và công cuộc chuyển đổi số quốc gia; Khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật GDĐT năm 2005; Khẳng định giá trị pháp lý cho GDĐT, công nhận GDĐT có giá trị pháp lý giống như giao dịch trong môi trường thực; Ưu tiên, khuyến khích thực hiện GDĐT bằng các chính sách giúp thực hiện GDĐT với thời gian nhanh hơn, chi phí thấp hơn, tiếp cận dễ dàng hơn, được bảo đảm an toàn, tin cậy hơn.

2. Quan điểm

- Kế thừa, phát huy các quy định tại Luật GDĐT (năm 2005) hiện còn giá trị;
- Chỉ quy định về những thành tố cơ bản có giá trị pháp lý sử dụng để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử;
- Không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch;
- Không làm thay đổi trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành trong lĩnh vực;
- Khuyến khích, thúc đẩy phát triển GDĐT toàn trình (nghĩa là thực hiện điện tử từ đầu tới cuối).

3. Tóm tắt các chương

Luật GDĐT (năm 2023) gồm 8 chương, 53 điều, cụ thể:

Chương I. Những quy định chung

Chương này gồm 06 điều, mở rộng phạm vi áp dụng của hoạt động GDĐT tới tất cả các hoạt động của đời sống xã hội. Luật GDĐT sẽ quy định theo hướng không loại trừ phạm vi áp dụng của hoạt động GDĐT, tạo một khung pháp luật thống nhất về hoạt động GDĐT trong các lĩnh vực để thực hiện chuyển đổi các giao dịch từ môi trường thực sang môi trường số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.



Chương II. Thông điệp dữ liệu

Chương này gồm 15 điều quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, gửi nhận thông điệp dữ liệu và chứng thư điện tử. Theo đó, các quy định tập trung sửa đổi, chi tiết hoá cách thức xác định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Bổ sung quy định điều kiện khi chuyển đổi từ bản giấy sang thông điệp dữ liệu và ngược lại. Bổ sung quy định về chứng thư điện tử nhằm tháo gỡ vướng mắc về kết quả giao dịch để có thể đưa một giao dịch lên trực tuyến toàn trình (end-to-end).

Với những sửa đổi trên, Luật GDĐT sẽ giải quyết những vướng mắc trong quy định hiện hành về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm triển khai GDĐT an toàn, tin cậy, có giá trị pháp lý trên không gian mạng.

Chương III. Chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy

Chương này gồm 12 điều quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy trong GDĐT.

Về chữ ký điện tử, Luật GDĐT cơ bản không thay đổi về nguyên tắc so với Luật GDĐT năm 2005, chỉ khái quát hóa, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về chữ ký điện tử, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số, chữ ký số chuyên dùng công vụ và chữ ký số công cộng. Luật GDĐT cũng góp phần giải quyết những vướng mắc trong quy định hiện hành về giá trị pháp lý của các loại hình chữ ký điện tử, tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm triển khai GDĐT an toàn, tin cậy, có giá trị pháp lý trên không gian mạng.

Về dịch vụ tin cậy, Luật GDĐT quy định về dịch vụ tin cậy, trong đó ngoài dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử (dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng) và dịch vụ cấp dấu thời gian đã có và được triển khai trên thực tế, Luật bổ sung thêm dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu.

Chương IV. Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử

Chương này gồm 06 điều quy định về giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử. Luật GDĐT bổ sung thêm quy định về hợp đồng được ký kết thông qua hệ thống thông tin tự động, cơ bản sẽ giải quyết những vướng mắc trong quy định hiện hành về giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử, cập nhật với tính sẵn sàng của công nghệ và thực tiễn triển khai trong nước và quốc tế, bảo đảm triển khai giao dịch hợp đồng điện tử an toàn, tin cậy, có giá trị pháp lý trên môi trường mạng.

Chương V. GDĐT của cơ quan nhà nước

Chương này gồm 05 điều quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. Luật GDĐT bổ sung các quy định về quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở, các quy định đối với cơ quan nhà nước nhằm thúc đẩy hoạt động GDĐT, hướng đến việc



chuyển toàn bộ hoạt động lên môi trường số, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Các nội dung của Chương này sẽ thúc đẩy mạnh mẽ GDDT của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân, tháo gỡ các vướng mắc về các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường mạng với giải pháp khả thi để thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

Chương VI. Hệ thống thông tin phục vụ GDDT

Chương này gồm 04 điều quy định về các loại hệ thống thông tin (HTTT) phục vụ giao dịch điện tử, tài khoản giao dịch điện tử, trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin phục vụ GDDT, trách nhiệm giám sát của cơ quan nhà nước và biện pháp bảo vệ giao dịch điện tử.

Các quy định tại Chương này là cơ sở để tăng cường quản lý nhà nước trong GDDT, thực hiện việc giám sát đối với các nhà cung cấp nền tảng số phục vụ GDDT để bảo đảm quyền lợi người sử dụng, bảo đảm hoạt động GDDT diễn ra an toàn, tin cậy.

Chương VII. Quản lý nhà nước về GDDT

Chương này gồm 02 điều quy định về nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm quản lý nhà nước về GDDT. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về GDDT. Bộ TT&TT là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về GDDT. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ TT&TT thực hiện quản lý nhà nước về GDDT trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về GDDT trong lĩnh vực cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chữ ký số theo quy định của pháp luật.

Chương VIII. Điều khoản thi hành

Chương này gồm 03 điều quy định về điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành để đảm bảo việc thực thi Luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã và đang tham gia hoạt động GDDT trước thời điểm Luật GDDT có hiệu lực.

II. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH NỔI BẬT CỦA LUẬT

1. Giúp nhiều luật hiện nay có ngay hiệu lực thi hành trên môi trường số

Luật nào trước đây chưa quy định giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử thì được áp dụng theo quy định của Luật GDDT. GDDT có giá trị tương đương và có thể sử dụng thay thế giao dịch truyền thống.



2. Là cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy GDĐT toàn trình, tối ưu hóa, rút ngắn thời gian xử lý, thuận tiện hơn và có thể sử dụng thay thế giao dịch truyền thống

Luật GDĐT khắc phục tình trạng GDĐT phức tạp hơn, lâu hơn, đắt đỏ hơn và vẫn phải thực hiện song song cả 2 hình thức, làm chậm tiến trình CDS; Quy định về chuyển đổi giữa giấy và điện tử thông suốt, không rào cản; Dịch vụ tin cậy lần đầu tiên đưa vào Luật đóng vai trò tạo niềm tin thúc đẩy GDĐT.

3. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thực hiện hợp đồng điện tử, đưa ra cơ sở pháp lý để Bộ trưởng các Bộ có thể ban hành theo thẩm quyền quy định về hợp đồng điện tử trong ngành, lĩnh vực của mình.

4. Luật hóa vai trò của các nền tảng số quốc gia, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

5. Cung cấp hành lang pháp lý cho việc cơ quan nhà nước được thuê chuyên gia từ ngân sách nhà nước hàng năm (kinh phí sự nghiệp)

Bước đầu tháo gỡ khó khăn về việc sử dụng kinh phí sự nghiệp cho công tác duy trì, vận hành hệ thống thông tin gồm thuê tư vấn xây dựng CSDL; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn an ninh mạng cho hệ thống thông tin phục vụ GDĐT của cơ quan nhà nước.

6. Quy định rõ chính sách chia sẻ dữ liệu, giám sát, kiểm tra, thanh tra trực tuyến

Đặt cơ sở pháp lý quan trọng trong việc QLNN sử dụng dữ liệu lớn thay vì QLNN theo cách truyền thống. Đặc biệt là công tác chia sẻ dữ liệu, giám sát các HTTT phục vụ GDĐT.

Tóm lại Luật GDĐT (năm 2023) có thể coi là Luật Chuyển đổi số cơ bản. Đây là tiền đề quan trọng để đẩy mạnh chuyển đổi số, từ đó, có thực tiễn để có thể đề xuất Luật Chuyển đổi số vào một thời điểm thích hợp trong tương lai.

III. TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA LUẬT

1. Thông điệp dữ liệu

- Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

- Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và hình thức trao đổi dữ liệu điện tử khác theo quy định của pháp luật.

- Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.



- Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản, như bản gốc, có giá trị dùng làm chứng cứ.

- Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu cần đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật GDĐT và được Chính phủ quy định chi tiết.

2. Chữ ký điện tử, dịch vụ tin cậy

2.1. Chữ ký điện tử

- Chữ ký điện tử là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu, có thể được sử dụng để xác nhận chủ thể ký và xác nhận sự chấp thuận của chủ thể đó đối với thông tin trong thông điệp dữ liệu được ký.

- Chữ ký điện tử được phân loại theo phạm vi sử dụng, bao gồm: Chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Chữ ký điện tử chuyên dùng và chữ ký số phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật GDĐT.

- Các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2.2. Dịch vụ tin cậy

- Dịch vụ tin cậy là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, bao gồm: Dịch vụ cấp dấu thời gian, dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy phải có giấy phép kinh doanh dịch vụ do Bộ TT&TT cấp, trừ dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. Thời hạn của giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy là 10 năm.

3. GDĐT của cơ quan nhà nước

3.1. Quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung

- Dữ liệu trong CQNN được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm của CQNN.

- CSDL quốc gia: chứa dữ liệu chủ làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ, chia sẻ với Bộ, ngành, địa phương.

- CSDL Bộ, ngành, địa phương: dữ liệu dùng chung của Bộ, ngành, địa phương.

3.2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Cơ quan nhà nước có trách nhiệm bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, phục vụ GDĐT.



- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cơ quan nhà nước có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức khác; không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản giấy đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin; không thu phí việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Cơ quan nhà nước phải áp dụng phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu, trừ trường hợp thông tin liên quan đến bí mật nhà nước hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3.3. Dữ liệu mở của CQNN

- Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

- Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ thông tin do cơ quan nhà nước cung cấp, được cập nhật mới nhất, có khả năng truy cập và sử dụng trên mạng Internet, bảo đảm khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được, tuân thủ định dạng mở và miễn phí.

4. Hệ thống thông tin phục vụ GDĐT

4.1. HTTT phục vụ GDĐT

- Hệ thống thông tin phục vụ GDĐT là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập với chức năng, tính năng chính để phục vụ GDĐT, bảo đảm xác thực, tin cậy trong GDĐT.

- HTTT phục vụ GDĐT được phân loại theo: Chủ quản HTTT; chức năng, tính năng; quy mô, số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoặc số lượng truy cập hằng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam.

4.2. Nền tảng số phục vụ GDĐT

- Nền tảng số phục vụ GDĐT là hệ thống thông tin tạo môi trường điện tử cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ.

- Nền tảng số trung gian phục vụ GDĐT là nền tảng số mà chủ quản nền tảng số độc lập với các bên thực hiện giao dịch.

4.3. Tài khoản GDĐT

- Tài khoản GDĐT do chủ quản HTTTT phục vụ GDĐT cấp và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật GDĐT. Tài khoản GDĐT được sử dụng để thực hiện GDĐT, nhằm lưu trữ lịch sử giao dịch và bảo đảm chính xác trình tự giao dịch của chủ tài khoản, có giá trị chứng minh lịch sử giao dịch của các bên tham gia.



- Lịch sử giao dịch có giá trị pháp lý khi: HTTT phục vụ GDĐT bảo đảm ATTT; Gắn duy nhất với một chủ tài khoản giao dịch; Bảo đảm chính xác thời gian giao dịch từ nguồn thời gian theo quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia.

4.4. Trách nhiệm của chủ quản HTTT

- Tuân thủ quy định của Luật GDĐT và pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Cung cấp thông tin bằng phương tiện điện tử theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ công tác đo lường, thống kê, giám sát, thanh tra, kiểm tra, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan QLNN về GDĐT; chia sẻ dữ liệu phục vụ QLNN về GDĐT.

- Giám sát an toàn HTTT phục vụ GDĐT của mình theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

IV. ĐỀ XUẤT CÁC VIỆC CẦN TRIỂN KHAI

Luật GDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, để chuẩn bị cho việc thi hành, triển khai Luật, Bộ TT&TT đề xuất một số nhiệm vụ, hành động cụ thể như sau:

1. Đối với cơ quan nhà nước:

1.1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật GDĐT

- Bộ TT&TT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến Luật GDĐT.

- Bộ TT&TT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tập huấn nội dung quy định của Luật GDĐT.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật GDĐT bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và từng đối tượng, địa bàn (thông qua lồng ghép chuyên đề trong các hội nghị, lớp tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật mới theo kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật).

1.2. Tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

- Bộ TT&TT rà soát các VBQPPL hiện hành có liên quan đến Luật GDĐT trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các VBQPPL.



- Các Bộ: thực hiện rà soát VBQPPL có liên quan đến Luật GDĐT theo lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công.

1.3. Xây dựng văn bản quy định chi tiết

- Bộ trưởng Bộ TT&TT, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật được phân công.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm rà soát, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi Luật GDĐT.

2. Đối với tổ chức, doanh nghiệp và người dân

- Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của Luật GDĐT để nắm các quy định pháp luật.

- Áp dụng các quy định khi thực hiện hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng như: sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số, dịch vụ tin cậy.

- Chủ quản HTTT chủ động nâng cấp hệ thống đáp ứng các yêu cầu quy định trong Luật.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG